

Trung Giang Ký Sự – kỳ 29

Hành Vân

Ngày 11 tháng 5, có thêm ba sư Minh Nguyên, Minh Mỹ và Minh Khả mới nhập chúng ở Ngọc Giáng để tiếp tục đi học Trung cấp Phật học sau kỳ nghỉ lễ. Quý sư mang cao lầu từ Hội An ra cúng dường đại chúng. Đây là món đặc sản của Hội An. Lúc ngồi điểm tâm với huynh đệ, chợt nhớ đến bài kệ Bát cơm vàng ngọc của đàn-na... tôi hỏi đại đức Giác Ngạn rằng không biết bài kệ đó do ai sáng tác? Cứ nghĩ đây là bài kệ của các đức Thầy ở miền Trung ché, nhưng đại đức Ngạn đáp:

– Trong *Chơn Lý*.

Tôi nói:

– Con thấy câu “Xử dụng như tình gieo giống Phật” hơi nguy hiểm.

Đại đức Ngạn nhận định:

– Câu đó hay chớ. Chữ Phật đều mang thân người, đều có cha mẹ chớ. Nhưng phải có thêm câu sau thì câu này mới đủ nghĩa: “Toàn bằng tâm, ý, niệm ba-la”.

Tôi chợt nhận thấy điều đó là đúng nên thừa nhận:

– Dạ, đại đức nói có lý. Trên cổng tịnh xá mình có khắc hai câu trích từ bài này.

Sư Ký hỏi:

– Chỗ nào đâu?

– Mặt trong hai trụ cổng đó.

– À, mình ở lâu mà không để ý.

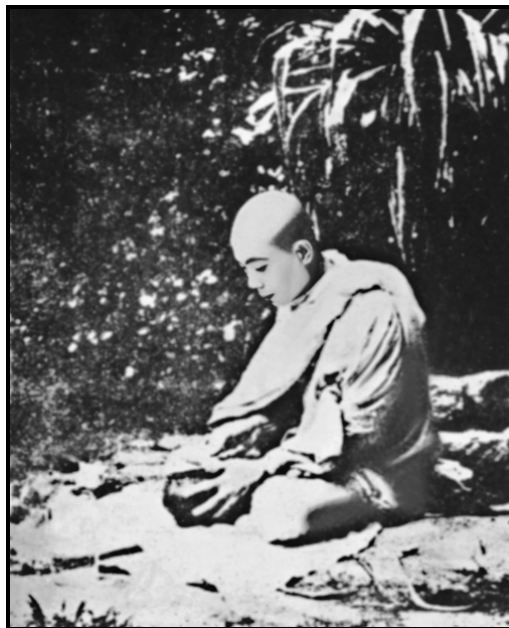


Mặt sau hai trụ cổng khắc hai câu:

**Cơ thiền quán đạt thông muôn pháp
Lý tánh gồm chung hiệp một nhà.**

Đây là bài kệ Thọ bát thứ ba của Phật giáo Khất Sĩ:

Bát cơm vàng ngọc của đàn-na
Quyết chí tâm tu thoát Ái hà
Xử dụng nhơn tình gieo giống Phật
Toàn bằng tâm, ý, niệm ba-la.
Cơ thiền quán đạt thông muôn pháp
Lý tánh gồm chung hiệp một nhà.
Trợ đạo, giúp đời, hồi hướng chúng
Vet bầu Tam giới bước chân ra.



Trong bộ *Chơn Lý* xuất bản năm 1993, bài kệ Thọ bát này được in dưới tấm hình Tổ sư đang thọ trai ở trên. Trong bài kệ, quả thật vấn đề “xử dụng nhơn tình” chỉ giới hạn ở ngữ cảnh chư Tăng Ni đệ tử Phật sống y theo Phật ngày xưa, thiếu dục tri túc về ăn, mặc, ở, bệnh, mỗi ngày đi khất thực hóa duyên... hàng cư sĩ thấy vậy mến mộ, nên ủng hộ, thân cận học hỏi, nhờ vậy được thấm nhuần Phật pháp. Nhơn tình là như vậy chứ không phải là mọi thứ nhơn tình linh tinh. Cái nhơn tình đó khế hợp với những ý đạo: người cúng dường với lòng mến mộ trong sạch, người thọ nhận với chí nguyện tinh tấn tu hành, cả hai đều không lỗi đạo.

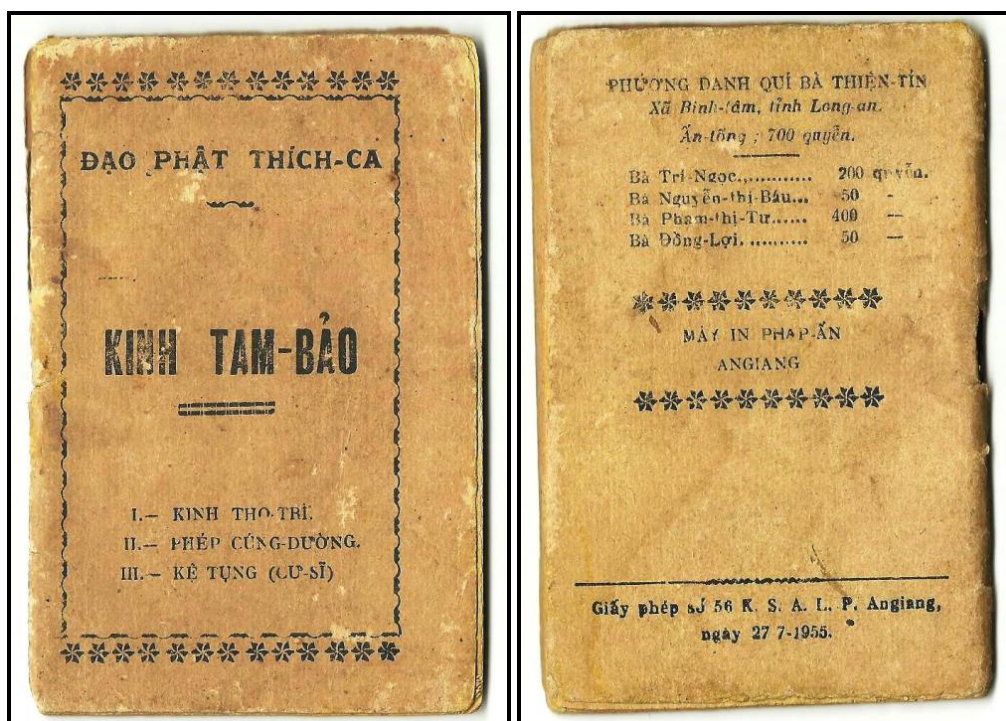
Mỗi khi chư Tăng hòa âm đọc bài kệ này trước lúc thọ trai, cả người đọc và người nghe đều thường cảm thấy thật thấm thía, tâm đạo thêm phát khởi. Như vậy là bài kệ đã có sự thành công trong việc chuyển tải đạo đến mọi tâm thức. Tuy vậy, nhân đây cũng nói thêm rằng câu số 6 và câu số 8 chưa thật hay. Câu 6 “Lý tánh gồm chung hiệp một nhà” theo tôi phải là “Lý sự...” hay “Tánh tướng...” mới phải. Còn câu 8 “Vet bầu Tam giới bước chân ra” là tinh thần giải thoát căn bản của Phật pháp, nhưng nếu hành Bồ-tát đạo thì phải ở ngay Tam giới mới có cơ hội lập công bồi đức, thi hành Phật sự.

Trong *Chơn Lý*, bài kệ “Bát cơm vàng ngọc của đàn-na” chỉ được phụ chú cho một tấm hình thôi. Có phải là thời Tổ sư chưa có bài kệ này chăng? Sau

này, khi viết đến đây tôi đã điện thoại hỏi bác Trí Phước – Giác Hội, bác cho biết vào thời Tôn sư mở đạo, ngài sử dụng các kinh tụng do bên Nam tông dịch, bên ấy chê ngài không làm được kinh riêng, ngài mới bảo sư cô Huỳnh Liên viết kinh Tam Bảo. Đa số các kinh kệ tụng của Khất Sĩ lúc bấy giờ đều do sư cô Huỳnh Liên viết, Tôn sư chỉ có viết một bài Chú tâm nguyện độ mười phương... thôi, và Pháp sư Giác Nhiên có viết bài *Giác Linh Tổng Táng* dựa theo bài Cuộc hồng trần xoay vần quá ngán... có từ trước.

Nhất thời nói qua điện thoại với tôi, bác Giác Hội chưa liệt kê đầy đủ các kinh kệ tụng của Khất Sĩ trong giai đoạn đầu. Bác đã không nhắc đến bài *Pháp* và phần sau bài *Huệ* được trích từ sách của ông Đoàn Trung Còn, phần đầu bài *Huệ* (*Bát-nhã*) là do Tổ sư Minh Đăng Quang chuyển dịch, cũng không nhắc đến năm bài văn uyển *Giác Mộng Tàn*, *Thời Gian Qua*, *Đường Đời*, *Vô Thường* và *Ánh Sáng* là do một nhóm Phật tử Việt Nam ở Cam-pu-chia viết (*Nên trong bài Ánh Sáng có câu: “Nước non cách trở xa xôi / Gọi là xin có đôi lời gửi sang”*)...

Nói về *Kinh Tam Bảo* của Phật giáo Khất Sĩ, ban đầu là những bài kinh kệ tụng in thành tập nhỏ để mọi người sử dụng. Đến khi *Chơn Lý* được in thành bộ thì *Kinh Tam Bảo* cũng được in kèm vào. Nội dung *Kinh Tam Bảo* lúc đó đơn giản, gồm có ba phần là Kinh thọ trì, Phép cúng dường và Kệ tụng, mỗi phần đều có ít bài. Cụ thể, phần Kinh thọ trì có các bài: *Dâng Hương* (*Khói hương...*), *Khai Chuông* (*Nguyện tiếng chuông này...*), *Nghe Chuông* (*Nghe chuông nhẹ bớt...*), *Lễ Phật*, *Lễ Pháp*, *Lễ Tăng*, *Xưng Tụng Phật Bảo*, *Xưng Tụng Pháp Bảo*, *Xưng Tụng Tăng Bảo*, *Sám Hối Tam Bảo*, *Quy Y Tam Bảo*, *Thọ Trì Ngũ Giới*, *Hồi Hương* (*Phẩm kinh con mới...*). Phần Phép cúng dường có các bài: *Dâng Hương* (*Khói hương...*), *Lễ Phật*, *Lễ Pháp*, *Lễ Tăng*, *Cúng Dường Tam Bảo*, *Hồi Hương Cầu Nguyện* (*Làm xong được chút...*). Phần Kệ tụng có các bài: *Sám Hối Tam Nghiệp*, *Nhớ Ôn Phật*, *Cầu Nguyện Hòa Bình*, *Thuyền Trí Huệ*, *Chúc Mừng Chánh Pháp*, *Tán Tụng Công Đức Giáo Chủ*, *Nguyện Về Cõi Phật*, *Khuyến Đừng Giết Thú*, *Cầu Siêu* (*Cuộc nhân thế...*), *Lễ Dâng Tịnh Xá*.



Kinh Tam Bảo do Máy in Pháp Ấn in năm 1955 tại An Giang.

Về sau, Phật giáo Khất Sĩ có quyển *Nghi Thức Tụng Niệm* bề thế hơn nhiều lần so với *Kinh Tam Bảo* cả về số chương và số bài kinh. *Nghi Thức Tụng Niệm* do ngài Pháp sư Giác Nhiên biên soạn vào năm ---. Sau khi hình thành, *Nghi Thức Tụng Niệm* trở thành một quyển kinh nhật tụng của Phật giáo Khất Sĩ, được Giáo hội Tăng-già Khất Sĩ Việt Nam cho sử dụng phổ biến.



Quyển Nghi Thức Tụng Niệm tái bản năm 2012

Nội dung của *Nghi Thức Tụng Niệm* phong phú, được tổng hợp từ ba nguồn kinh kệ tụng của Phật giáo Nam tông, Bắc tông và Khất Sĩ ở Việt Nam.

Việc ngài Pháp sư Giác Nhiên khai thác ba nguồn để biên soạn một quyển kinh nhật tụng là một thiện chí, thể hiện tinh thần hòa hợp cao thượng của Tăng-già ở Việt Nam, đồng thời cũng thể hiện trí tuệ vô ngã của Tăng-già, không bị hai chữ “Tông phái” làm chướng ngại. Với mục lục gồm tám chương sau:

- I. Nghi thức Cúng dường Tam Bảo (*trai hội tại tư gia hoặc tịnh xá*)
- II. Kinh cúng Cửu huyền
- III. Nghi thức Thọ trì (*tại tịnh xá hoặc tại tư gia mỗi đêm*)
- IV. Nghi thức Sám hối
- V. Nghi thức Cầu an (*trong khi tai nạn, rủi ro, đau ốm*)
- VI. Nghi thức Cầu siêu (*tại tịnh xá hoặc tại tư gia*)
- VII. Các kinh tụng thêm
- VIII. Các bài kệ tụng

Nghi Thức Tụng Niệm là một quyển kinh nhật tụng hoàn chỉnh, dùng để khai tâm cho những người mới tìm hiểu đạo, giúp mọi người tụng niệm trong mỗi nghi lễ từ Cầu an, Cầu siêu, Sám hối, cho đến Cúng dường tịnh xá, Xuống tóc nhập đạo, Phóng sanh, Thỉnh pháp sư, Dâng y Casa v.v... Trong *Nghi Thức Tụng Niệm* dày 185 trang, ngoài 100 trang là do Phật giáo Khất Sĩ biên soạn, có những bài kinh kệ tụng được biên tập từ Phật giáo Nam tông như sau:

- *Pháp Tịnh Tâm*
- *Sám Hối Tam Nghiệp*
- *Kệ Sám Hối*
- *Cầu Nguyện Chung*
- *Kinh Từ Bi*
- v.v...

Đồng thời có những bài kinh kệ tụng được biên tập từ Phật giáo Bắc tông:

- *Khai Kinh*
- *Kinh Vu-lan-bồn* (*do cư sĩ Thiện Phước chuyển dịch*)
- *Kinh Báo Hiếu Phụ Mẫu Trọng Ân*
- *Kinh A-di-đà* (*do cư sĩ Thiện Phước chuyển dịch*)
- *Sám Phát Nguyện*
- *Sám Cầu Siêu*
- v.v...

Đặc biệt, *Nghi Thức Tụng Niệm* có một bài *Nguyện Vãng Sanh* “Muôn pháp không thường còn...” quá hay. Theo nội dung, bài này có lẽ được dịch từ bài *Kệ Động Tâm* của Phật giáo Nam tông, nhưng không rõ ai đã dịch nó. Nội

dung bài *Kệ Động Tâm* như sau: “Các pháp hữu vi thật không bền vững, nó có tánh sanh diệt là thường. Vì nhân sanh rồi diệt, diệt rồi sanh nên thường hay có sự khổ não. Chỉ có Niết-bàn là pháp tịch diệt, dứt cả pháp hữu vi ấy được, mới có sự an vui tuyệt đối.” (*Trích Kinh Nhật Tụng Cư Sĩ*). Còn bài *Nguyện Vãng Sanh* có 16 câu như sau:

Muôn pháp không thường còn
Người sanh ắt có diệt
Sanh tử như thủy triều
Diệt tận chân phúc hiện.
Thác bên, sông không bên
Người đời ai cũng chết.
Chết – mục tiêu cuộc đời
Đúng y lời Phật dạy.
Kiếp sống trông ngắn ngủi
Chết thật là chắc chắn
Sớm muộn xác thân này
Trả về cho tứ đại.
Nhìn xem thể phách hoại
Xác như gỗ mục hư,
Tánh thanh tịnh chân như
Niết-bàn vô sanh diệt.

Hôm đó, lúc điềm tâm xong, đại đức Giác Đạo dẫn tôi ra phía trước chụp cổng tịnh xá. Chụp được vài tấm thì có điện thoại, màn hình hiện tổng đài 171, một cuộc gọi từ nước ngoài. Tôi bắt máy:

- A-di-đà Phật.
- Dạ thưa có phải sư là người viết bài đăng trên Ánh Nhiên Đăng không?
- Sư đây. Xin lỗi ai đầu dây vậy?
- Con là TM., ở bên Mỹ.
- Vậy cô là người xuất gia hay tại gia?
- Dạ, xuất gia.
- Có việc gì không vậy, sư cô?

Đến đây người đối thoại vô hình bắt đầu ghen giọng, trách tôi sao lại ghi nhận trong một bài ký sự rằng Ni trưởng của cô phá đạo, và cho biết hiện có gần 2000 người đang theo dõi tôi... Chà, nhi nữ tình trường! Mong 2000 vị gì đó khi nào bình tâm lại, xin hãy tự hỏi những câu này:

- Với những sự thật thì chúng ta sẽ ghi nhận hay sẽ kéo nhau về giáo hội biểu tình để gây áp lực buộc mọi người không được nhắc đến điều mình chẳng thích nghe?
- Với những cái sai của tiền nhân thì chúng ta sẽ sửa đổi hay sẽ tìm mọi cách để bưng bít thông tin?

– Và từ ngày nào chúng ta đã làm trái giáo pháp của Tổ Thầy, đến khi có thiện tri thức chỉ ra chỗ sai lầm, thì **chúng ta sẽ về giáo hội sám hối làm gương cho hàng hậu học**, hay chúng ta sẽ rủ nhau đông đảo về giáo hội khóc kể, trách móc... như những nữ nhân ở thế tục?

Nói về sự phá đạo, hãy thẳng thắn đặt câu hỏi: “**Vì sao phá Bát kính pháp được ghi nhận là phá đạo?**”. Phá Bát kính pháp có ba mức độ:

1– Đầu tiên là PHÁ GIỚI của cá nhân.

2– Thứ hai là PHÁ KIẾN của tha nhân: khiến cho mọi người có khuynh hướng trái lời Phật dạy (*tăng trưởng ngã mạn*), khởi lên những hoài nghi linh tính rằng Bát kính pháp là phi pháp...

3– Thứ ba là PHÁ TĂNG: tách rời Tăng đoàn, tạo ra luôn một đoàn thể tỳ-kheo Ni với chủ trương không thọ trì Bát kính pháp nữa.

Khi cả ba mức độ đều có hết thì vấn đề **phá Bát kính pháp đã quá nghiêm trọng, lịch sử không thể không phán xét**.

Nói về sự phán xét, thì đúng sai, hay dở... trong cuộc đời này rất khó mà phân định, nếu không có sai biệt trí của Phật. Việc làm của các Bồ-tát không phải bao giờ cũng là những chuẩn mực để muôn đời noi theo, bởi vì các hạng Bồ-tát có khi cũng còn là phạm nhân. Như thuở xưa còn hành Bồ-tát đạo, tiền thân đức Phật đã từng giết một tên tướng cướp để cứu 500 thương nhân; do việc đó mà ngài có **công** lớn với 500 người nhưng đồng thời vẫn có **tội** với một người. Xét ra cái Bồ-tát đạo trong 52 đạo Bồ-tát đó còn thái quá bất cập, chưa phải là Trung đạo chánh đẳng chánh giác, chưa khéo đến mức như bóng nguyệt lòng sông, không – có hài hòa, uyển chuyển. Nếu lúc đó ngài Bồ-tát tiền thân Phật có lục thông của bậc Thánh thì mọi việc đã khác rồi...

Trong Phật pháp có Bồ-tát đạo. Bồ-tát đạo có 52 quả vị thì phải có 52 đạo tương ứng. Sự cao thấp trong 52 đạo này chỉ có chư Phật, chư đại Bồ-tát mới biết rõ. Cho đến hàng Bồ-tát Thánh Sơ địa mà còn không lường được chỗ giờ chân cất bước của hàng Bồ-tát Thánh Nhị địa... Chênh lệch một bậc đã như thế, huống gì nhiều bậc. Khi Bồ-tát phương tiện ra khỏi khuôn khổ để làm đạo, thì việc đó phải được hiểu là việc nhất thời và của cá nhân. Nếu việc phương tiện nhất thời của một cá nhân lại được số đông **xem là thường pháp** thì thật nguy hiểm. Hành trạng của hàng Bồ-tát Thánh có lục thông không phải lúc nào cũng được xem là mẫu mực muôn đời, huống gì Bồ-tát phạm?

Đây là luận bàn Giáo pháp, bảo vệ Giáo pháp, chớ có nói đến cá nhân ai mà phiền. Nhân tiện phân tích về Bát kính pháp:

BÁT KÍNH PHÁP

1. Ni cô bao giờ cũng phải lễ bái chư Tăng (*dầu cho lớn tuổi thế mấy cũng vậy*).
2. Nhà Ni cô không được phép trách mắng, rầy rà, nói hành chư Tăng.
3. Ni cô không được phép xen vào việc ung oan của chư Tăng.

4. Ni cô tập sự hai năm, nếu muốn vào hàng xuất gia thiết thọ phải có Giáo hội chư Tăng chứng nhận.
5. Ni cô nếu phạm giới phải sám hối giữa hai Giáo hội nữ và nam.
6. Ni cô phải nhờ Giáo hội chư Tăng chứng minh đọc Giới bốn mỗi kỳ nửa tháng.
7. Ni cô không được tựu hội nghỉ mùa mưa ở một xứ không có chư Tăng.
8. Ni cô phải nhờ chư Tăng sắp đặt chỗ nơi hành đạo khi dứt mùa mưa.

Đây là Bát kính pháp trích trong Chơn lý *Giới Bốn Ni* của đức Tổ sư Minh Đăng Quang biên tập và ban hành, ngôn từ hơi khác với Bát kính pháp trong các bộ Giới bốn khác. Tám pháp này là một phần giới luật căn bản cho chư Ni đệ tử Phật. Sự ràng buộc chư Ni trong tám pháp trên nhằm để **ngừa** nghiệp nữ nhân bộc phát, **giúp** chư Ni đệ tử Phật có sự ổn định và tiến bộ trong tu học. Nói chung tám pháp này không hề hạ thấp tư cách của tỳ-kheo Ni, cũng không đề cao cá nhân tỳ-kheo Tăng nào, bởi trong tám câu đều chỉ về “**chư Tăng**” cả.

Vậy chư Ni đệ tử Phật phải có một sự ràng buộc cần thiết với Tăng đoàn, mà chư Tăng cũng vậy, đức Phật đã chế định như thế. Vì nhu cầu gì một sư cô muốn bứt khỏi sự ràng buộc đó? Có lẽ sư cô đó tài giỏi và có nhiều công lao lắm.

Đã nêu vấn đề về Bát kính pháp, còn phá Bát kính pháp có lỗi gì? Phá Bát kính pháp, **một** là phạm vào quy định của đức Phật Thích-ca, mất tư cách tỳ-kheo Ni (*còn kể gì là Ni trưởng*); **hai** là buông lung theo nghiệp phiền não của nữ nhân; **ba** là tăng trưởng ngã mạn, đề cao cái tôi Đệ nhất, xem thường đoàn thể Tăng-già; **bốn** là mở ra sự tranh đấu vô ích về bình đẳng giới tính, hoài nghi Bát kính pháp là phi pháp... Tuy có những lỗi như vậy, hoặc hơn nữa, nhưng ai phá Bát kính pháp thì phá, **dám làm dám chịu nhân quả** chứ khóc kể gì! Nếu ai uống rượu mà không say, không mất trí thì cứ tự nhiên, can hệ gì Hành Vân!

Thật ra Phật giáo có bao giờ hạ thấp người nữ mà phải tranh đấu? Chính Phật giáo đã giúp nữ giới thoát khỏi những trói buộc trong kiếp người đó thôi! Còn tăng trưởng ngã mạn là điều tối kỵ trong Phật pháp. Khi thuận theo nghiệp phiền não của nữ nhân, tâm ái ngã cao, cứ kể tuổi đời, có khi nghĩ rằng mình có thể làm chị, làm mẹ, làm bà hay làm em gái của mấy nhà sư... thì chưa ly gia cắt ái, cũng chẳng thành nghĩa Quy y Tăng. Và nếu miệng cứ đọc “Nam-mô Bốn sư Thích-ca Mâu-ni Phật” mà lại trái lời Phật dạy thì thật vô nghĩa.

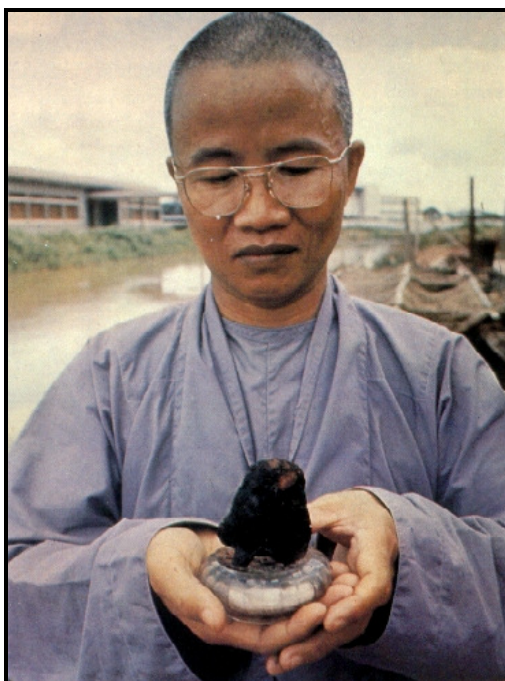
Trong giai đoạn Gia đình trị của họ Ngô Đình ở miền Nam Việt Nam giữa thế kỷ XX, Phật giáo đã bị áp bức nặng nề. Điều này lịch sử đã ghi nhận và phân xét, chắc không cần nói dài dòng ở đây. Có nhiều Tăng, Ni, Phật tử đã đấu tranh cho Phật giáo Việt Nam, mà cao điểm là cuộc vi pháp thiêu thân của ngài Thích Quảng Đức vào ngày 11 tháng 6 năm 1963 tại Sài Gòn.



Hòa thượng Thích Quảng Đức vị pháp thiêu thân năm 1963 tại Sài Gòn.
Chiếc xe đã chở ngài, đậu sau lưng, nay còn trưng bày tại chùa Thiên Mụ ở Huế.

Ngài Thích Quảng Đức đã vị pháp thiêu thân theo sự chỉ định của một Giáo hội Phật giáo đương thời. Với tâm nguyện vị tha, với ý chí phục tùng Tăng-già, với hành động thiêu thân tự tại và với quả tim bất diệt, lửa 4000°C đốt không cháy, hòa thượng Thích Quảng Đức đã tạo ra một cơn địa chấn toàn cầu, được chư Tăng, Ni, Phật tử Việt Nam tôn xưng là Bồ-tát. Theo gương ngài, có các vị Nguyên Hương, Thanh Tuệ, Diệu Quang, Quảng Hương, Thiện Mỹ, Đoàn Thị Yến Phi, Hồ Thị Thiểu, Nguyễn Thị Vân, Nhất Chi Mai, Lê Văn Mỹ, Liên Tập... khoảng 30 Tăng, Ni và nam nữ Phật tử cũng vị pháp thiêu thân rải khắp các tỉnh thành Cần Thơ, Sa Đéc, Sài Gòn, Gia Định, Vũng Tàu, Phan Thiết, Ninh Thuận, Đà Lạt, Nha Trang, Ninh Hòa, Quảng Ngãi, Đà Nẵng, Huế và Quảng Trị từ năm 1963 đến năm 1970.¹ Những vị đó được tôn xưng là Thánh tử đạo, nhưng thật tế **trong Phật pháp không hề có Thánh tử đạo**. Trong Phật pháp, bậc Thánh nhân là bậc đoạn tận được các lậu hoặc Kiến, Tư, Trần sa và Vô minh. Nếu ai nhân danh Phật giáo tự thiêu mà chết trăm ngàn lần thì Phật pháp cũng không vội ghi nhận vị đó là Thánh bao giờ. Theo tôi, cứ tạm gọi chung quý vị Phật tử tự thiêu ấy là các Tập sự Bồ-tát.

¹ Sa-môn Thiện Hoa, *Ghi On Tiền Bối 50 Năm (1920 – 1970) Chấn Hưng Phật Giáo Việt Nam*, “Danh Sách Liệt Quý Vị Tự Thiêu”.



Thầy Huyền Quang đang nâng Trái tim Bất diệt của Bồ-tát Quảng Đức trên hai tay.
Ảnh chụp năm ---, tại ---.

Qua đầu thập niên 1970, Phật giáo Nam Việt Nam đâu có bị áp bức như trước. Trong giai đoạn đó ai nhân danh Phật giáo xuống đường biểu tình làm gì nữa? Theo cách thức của Phật giáo Khất Sĩ thì khi làm việc thế phải mặc đồ, không được mặc y. Khi đã mặc áo đà xuống đường biểu tình, thì có đâu chiếc áo khất sĩ nào làm vẻ vang trong Ni giới? Không nên dùng pháp phục của nhà Phật khi làm việc thế gian. Đây là một chánh kiến mà các bậc Tổ Thầy Khất Sĩ đã truyền dạy.

Tóm lại, hễ đã Nói truyền Thích-ca Chánh pháp thì không thể bác bỏ Bát kính pháp. Trong *114 Điều Luật Nghi Khất Sĩ*, Tổ sư Minh Đăng Quang cũng đã khẳng định không có bỏ Bát kính pháp bằng một vài điều cấm, và xác định những mối quan hệ giữa Tăng, Ni khất sĩ bằng nhiều điều cấm khác. Riêng tôi không có Bát kính pháp nên tôi chẳng toan tính gì. Như thầy N.T. suy tưởng linh tinh về Bát kính pháp trên giảng đường Học viện, xem Phật pháp như trò đùa, thì thầy ấy mới có nhiều chuyện để giải thích với mọi người. Hoặc có thể các đời sau thầy ấy đều sẽ tái sinh làm Ni cô để tranh đấu cho Bát kính pháp của mình chẳng?

Khoảng hơn 8 giờ hôm đó, bác Giác Hội đã điện thoại cho tôi, hỏi về cách tìm bài *Kinh Lăng-nghiêm* trên mạng. Giọng bác rất vui, nhưng sao đúng lúc này bác điện cho tôi? Chắc ai đó cũng mới gọi cho bác rồi...

Chiều, tôi qua Hòa Ninh ở huyện Hòa Vang thăm sư Minh Nhuận, tôi về bên Ngũ Hành Sơn nghỉ ở chỗ sư Minh Bạch. Và sáng hôm sau hai huynh đệ vô Quảng Nam, ghé qua Hưng An, Hà Lam, Gò Tre, cúng ngọ và nghỉ trưa ở Tịnh xá Ngọc Thạch, tịnh xá mới lập của sư cô Tuệ Liên đệ tử Ni sư Hiệp Liên ở Ngọc Trung – An Khê. Đến khoảng 3 giờ tôi đón xe vô Quy Nhơn, tiếp tục cuộc hành hương có một không hai của mình.